TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 0211/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Định

2. Bà Lê Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1988. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 112/32 CT, Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Trí B, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: 112/32 CT, Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:

Quan hệ về hôn nhân: Bà và ông Bùi Trí B tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng không hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Quan hệ về nuôi con: Bà và ông B có 01 con chung tên Bùi Phạm Bảo C, sinh năm 2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ về chia tài sản: hv xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Trí B là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận PN, Thành phồ Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Phạm Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Bùi Trí B. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ông Bùi Trí B có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 112/32 CT, Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa.

[1.3] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Việc thu thập chứng cứ:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành Bà A khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ về hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2016 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị A và ông Bùi Trí B là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "Qua xác minh tại Ban điều hành tổ dân phố không có căn cứ xác định bà Phạm Thị A và ông Bùi Trí B hiện có còn chung sống với nhau hay không. Đồng thời không thể xác định được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Ủy ban nhân dân Phường HA và Ban điều hành tổ dân phố không ghi nhận bất kỳ sự việc nào có liên quan đến việc gia đình bà Phạm Thị A và ông Bùi Trí B xảy ra tranh cãi, bất hòa hoặc bạo hành gia đình."

Xét: Mâu thuẫn phát sinh do hai bên bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng ông B không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và các vấn đề khác. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được,

việc Bà A yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Quan hệ về nuôi con:

Bà A và ông B có một con chung tên Bùi Phạm Bảo C, sinh năm 2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Quan hệ về chia tài sản: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Các vấn đề khác: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà A chịu án phí theo quy định.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Quan hệ về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn ông Bùi Trí B (Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2016).

2. Quan hệ về nuôi con: Bà Phạm Thị A và ông Bùi Trí B có một con chung tên Bùi Phạm Bảo C, sinh năm 2017.

Giao con chung là cháu Bùi Phạm Bảo C cho bà Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Phạm Thị A không yêu cầu ông Bùi Trí B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Quan hệ về chia tài sản: Bà Phạm Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Các vấn đề khác: Bà Phạm Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0042832 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

6. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận PN;
- CC THADS quận PN;
- UBND Phường HA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Hoàng Yến
(Đã ký và đóng dấu)